

Hải Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Số: 03.2024/CBTT-KHD

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: KHD
- Địa chỉ: Số 87 Vũ Mạnh Hùng, khu dân cư số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel:..... Fax:
- Email: Hamicokshd@gmail.com
- Website: Khoangsanhaiduong.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng ;

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ

máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/03/2024 tại đường dẫn: <http://khoangsanhaiuong.com> – **Mục thông tin cổ đông - Báo cáo tài chính**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2023

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN HỮU KHIÊM





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHÉ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Cao Văn Càn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Bùi Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Đăng
Giám đốc
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Số: 031503/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 22 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhân mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng và năm tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đang ngừng hoạt động do các mỏ đá được cấp phép đã hết thời hạn khai thác. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty đang bị lỗ với số tiền là 2.490.034.343 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 2.934.877.356 đồng Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty sắp xếp được dòng tiền từ thu hồi các khoản ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác, cũng như việc tái cơ cấu hoạt động của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2020-072-1

1. Tài sản	202	1.000.000.000	1.000.000.000
2. Tài sản khác	203	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Tổng tài sản	204	2.000.000.000	2.000.000.000
4. Nợ phải trả	210	1.000.000.000	1.000.000.000
5. Nợ phải trả khác	211	1.000.000.000	1.000.000.000
6. Tổng nợ phải trả	212	2.000.000.000	2.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế	220	0	0
8. Lợi nhuận sau thuế khác	221	0	0
9. Tổng lợi nhuận sau thuế	222	0	0
10. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	230	2.000.000.000	2.000.000.000
11. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	231	2.000.000.000	2.000.000.000
12. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	232	2.000.000.000	2.000.000.000
13. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	233	2.000.000.000	2.000.000.000
14. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	234	2.000.000.000	2.000.000.000
15. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	235	2.000.000.000	2.000.000.000
16. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	236	2.000.000.000	2.000.000.000
17. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	237	2.000.000.000	2.000.000.000
18. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	238	2.000.000.000	2.000.000.000
19. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	239	2.000.000.000	2.000.000.000
20. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	240	2.000.000.000	2.000.000.000
21. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	241	2.000.000.000	2.000.000.000
22. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	242	2.000.000.000	2.000.000.000
23. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	243	2.000.000.000	2.000.000.000
24. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	244	2.000.000.000	2.000.000.000
25. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	245	2.000.000.000	2.000.000.000
26. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	246	2.000.000.000	2.000.000.000
27. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	247	2.000.000.000	2.000.000.000
28. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	248	2.000.000.000	2.000.000.000
29. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế khác	249	2.000.000.000	2.000.000.000
30. Tổng tài sản trừ đi lợi nhuận sau thuế	250	2.000.000.000	2.000.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.679.754.306	13.347.665.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.449.475.499	4.435.404.092
1. Tiền	111		949.475.499	935.404.092
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.500.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	6.500.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.552.448.482	3.218.191.439
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.583.137.012	1.919.784.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		67.500.000	37.800.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.800.000.000	2.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.654.770.970	213.566.277
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.552.959.500)	(1.552.959.500)
IV. Hàng tồn kho	140		-	361.435.460
1. Hàng tồn kho	141		-	361.435.460
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.177.830.325	1.332.634.455
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		247.904.219	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	929.926.106	1.332.634.455
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.211.724.940	47.805.618.642
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.122.631.773	22.081.539.799
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	5.600.000.000	8.400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.522.631.773	13.681.539.799
II. Tài sản cố định	220		386.815.667	770.801.343
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	386.815.667	770.801.343
- Nguyên giá	222		5.201.012.234	10.843.848.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.814.196.567)	(10.073.046.829)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	26.702.277.500	24.953.277.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.132.277.500	27.132.277.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(430.000.000)	(2.179.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.891.479.246	61.153.284.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.119.587.004	12.841.357.503
I. Nợ ngắn hạn	310		5.658.354.230	2.892.570.503
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	132.182.941
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	21.817.112
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	-	87.351.406
4. Phải trả người lao động	314		94.785.000	174.111.700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		50.000.000	80.515.182
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		19.275.523	26.753.523
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.10	5.435.006.421	2.265.425.457
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		59.287.286	104.413.182
II. Nợ dài hạn	330		6.461.232.774	9.948.787.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V10	6.461.232.774	9.948.787.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.11	45.771.892.242	48.311.926.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		45.771.892.242	48.311.926.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.143.712.242	15.683.746.585
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.633.746.585	16.674.252.869
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(2.490.034.343)	(990.506.284)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.891.479.246	61.153.284.088

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		359.523.000	10.362.951.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	359.523.000	10.362.951.500
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	310.216.021	10.247.402.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.306.979	115.549.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.329.644.911	1.173.365.575
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.749.000.000)	434.000.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	4.772.721	491.318.187
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	6.313.624.025	2.412.864.163
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.190.444.856)	(2.049.267.625)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	766.502.640	1.077.466.797
12. Chi phí khác	32		66.092.127	18.705.456
13. Lợi nhuận khác	40		700.410.513	1.058.761.341
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.490.034.343)	(990.506.284)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.490.034.343)	(990.506.284)

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(2.490.034.343)	(990.506.284)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	359.767.627	539.997.098
Các khoản dự phòng	03	(1.749.000.000)	110.565.730
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.825.124.389)	(1.502.901.382)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(5.704.391.105)	(1.842.844.838)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	3.179.848.788	1.988.609.997
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	361.435.460	1.457.714.913
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(676.644.603)	(4.025.191.942)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	-	87.327.930
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(95.125.896)	(372.507.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.934.877.356)	(2.706.891.424)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	519.697.527	854.545.453
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	(4.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.600.000.000	1.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.329.251.236	1.186.457.698
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.948.948.763	(458.996.849)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(985.928.593)	(3.165.888.273)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.435.404.092	7.601.292.365
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.449.475.499	4.435.404.092

Trần Thị Vân

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Hữu Khiêm

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1977 được đổi tên là Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000075 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019, mã số thuế 0800282498.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 32.628.180.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu chế biến Bauxits;
- Khai thác cát đất đồi;
- Sửa chữa cơ khí - điện; và
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên có trụ sở chính tại Xóm Làng Mới 1, Xã Tân Long, Huyện Đông Hy, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 13 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình Lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Thuyết minh về giả định hoạt động liên tục

Đến thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đang ngừng hoạt động do các mỏ đã được cấp phép đã hết thời hạn khai thác. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty đang bị lỗ với số tiền là 2.490.034.343 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 2.934.877.356 đồng. Ban lãnh đạo Công ty cũng đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền trong 12 tháng tiếp theo. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

Nguồn tiền lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty con và các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở các ngân hàng đủ để cho Công ty vận hành và duy trì các hoạt động của Công ty trong tương lai. Công ty tăng cường công tác phục hồi môi trường sau khai thác tại các mỏ đã hết thời hạn khai thác để thu hồi các khoản kỹ quỹ phục hồi môi trường. Ngoài ra, Ban Giám đốc của Công ty rất quan tâm đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Công ty con, cụ thể là Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên để đảm bảo nguồn lợi nhuận thu được từ Công ty con. Đồng thời, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	16.854.900	38.186.100
Tiền gửi ngân hàng	932.620.599	897.217.992
Các khoản tương đương tiền (*)	2.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	3.449.475.499	4.435.404.092

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch và ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương có kỳ hạn 1 tháng và lãi suất từ 1,9 đến 2,4%/năm.

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	2.500.000.000	2.500.000.000		
Cộng	6.500.000.000	6.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 3,4 đến 4,6%/năm.

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	282.248.000
Công ty TNHH MTV TM & VT Đại Phú	163.020.500	163.020.500
Các khách hàng khác	832.397.512	1.169.045.162
Cộng	1.583.137.012	1.919.784.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****4. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	2.800.000.000	2.600.000.000
Cộng	2.800.000.000	2.600.000.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	5.600.000.000	8.400.000.000
Cộng	5.600.000.000	8.400.000.000
Trong đó: Phải thu về cho vay là bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	8.400.000.000	11.000.000.000

- (i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01-2021/HĐVV ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 04/PL.01-2020/HĐVV ngày 01/10/2022, số tiền 8.400.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	10.000.000	100.000.000
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	1.531.598.368	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	113.172.602	113.566.277
Cộng	1.654.770.970	213.566.277
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	9.522.631.773	13.681.539.799
Cộng	9.522.631.773	13.681.539.799
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	-	92.733.400

- (*) Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ Hàm Long, Áng Dâu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	305.471.000	-	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	282.248.000	-	282.248.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	181.051.800	-	181.051.800
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	-	163.061.700	163.061.700	-	163.061.700
Các khoản khác	621.127.000	-	621.127.000	621.127.000	-	621.127.000
Cộng	1.552.959.500	-	1.552.959.500	1.552.959.500	-	1.552.959.500

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	5.735.616.840	4.086.005.682	942.735.650	79.490.000	10.843.848.172
Thanh lý, nhượng bán	(4.262.619.347)	(1.380.216.591)	-	-	(5.642.835.938)
Số dư cuối năm	1.472.997.493	2.705.789.091	942.735.650	79.490.000	5.201.012.234
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	5.269.698.825	3.781.122.354	942.735.650	79.490.000	10.073.046.829
Khấu hao trong năm	54.884.299	304.883.328	-	-	359.767.627
Thanh lý, nhượng bán	(4.238.401.298)	(1.380.216.591)	-	-	(5.618.617.889)
Số dư cuối năm	1.086.181.826	2.705.789.091	942.735.650	79.490.000	4.814.196.567
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	465.918.015	304.883.328	-	-	770.801.343
Tại ngày cuối năm	386.815.667	-	-	-	386.815.667

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 4.581.769.949 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.381.735.486 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNGSố 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,
Phường Phú Thù, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	27.132.277.500	(430.000.000)		27.132.277.500	(2.179.000.000)	
Cộng	27.132.277.500	(430.000.000)	-	27.132.277.500	(2.179.000.000)	-

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.496.722	-	-	672.496.722
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.260.000	3.448.750	7.811.250
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	257.429.384	884.670.683	489.773.584	652.326.483
Phí sử dụng đất phi nông nghiệp	-	52.660.100	52.660.100	-
Cộng	929.926.106	948.590.783	545.882.434	1.332.634.455
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	11.567.133	44.842.539	33.275.406
Thuế tài nguyên	-	-	42.554.600	42.554.600
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	21.057.000	32.578.400	11.521.400
Cộng	-	32.624.133	119.975.539	87.351.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

10. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*)	Tổng
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.214.212.457	12.214.212.457
Trích bổ sung/(hoàn nhập) dự phòng	3.010.023.215	3.010.023.215
Các khoản dự phòng đã sử dụng	3.327.996.477	2.080.403.943
Số dư cuối năm	11.896.239.195	11.896.239.195
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi tiết:		
Nợ ngắn hạn	5.435.006.421	2.265.425.457
Nợ dài hạn	6.461.232.774	9.948.787.000
Cộng	11.896.239.195	12.214.212.457

(*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt và được điều chỉnh lại theo các quyết định: quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 07/04/2023, quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 07/04/2023 và quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 01/12/2023. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường cuối năm bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	32.628.180.000	16.924.252.869	49.552.432.869
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(990.506.284)	(990.506.284)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Số dư đầu năm nay	32.628.180.000	15.683.746.585	48.311.926.585
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(2.490.034.343)	(2.490.034.343)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư cuối năm nay	32.628.180.000	13.143.712.242	45.771.892.242

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán là 7.343.006.552 đồng. Công ty trích quỹ khen thưởng - phúc lợi 50.000.000 đồng để chi quà cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đá thô	-	1.052.470.000
Doanh thu bán đá chế biến	359.523.000	9.310.481.500
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.523.000	10.362.951.500

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đá thô	-	1.198.099.260
Giá vốn đá chế biến	310.216.021	9.049.303.090
Cộng	310.216.021	10.247.402.350

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.329.644.911	1.173.365.575
Cộng	1.329.644.911	1.173.365.575

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự phòng (Hoàn nhập) đầu tư vào công ty con	(1.749.000.000)	434.000.000
Cộng	(1.749.000.000)	434.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí thuê máy móc, thiết bị, vận chuyển bốc xếp	4.772.721	491.318.187
Cộng	4.772.721	491.318.187
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.583.921.360	1.235.653.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	253.142.360	65.163.110
Thuế, phí và lệ phí	944.369.408	749.786.409
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải trả	3.010.023.215	(879.864.270)
Chi phí mua ngoài	57.213.573	460.434.930
Chi phí bằng tiền khác	464.954.109	781.690.464
Cộng	6.313.624.025	2.412.864.163

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	495.479.478	329.535.807
Thu nhập khác	271.023.162	747.930.990
Cộng	766.502.640	1.077.466.797

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	830.858.675
Chi phí nhân công	1.583.921.360	3.837.076.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.142.360	495.814.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.986.294	3.327.373.739
Trích bổ sung/(Hoàn nhập) dự phòng	3.010.023.215	(879.864.270)
Chi phí khác bằng tiền	1.409.323.517	4.386.740.364
Cộng	6.318.396.746	11.998.000.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đồng lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
a. Bán hàng	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	-	400.000.000
b. Cho vay	-	-
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	-	-
c. Thu hồi tiền cho vay	2.600.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	2.600.000.000	1.500.000.000
d. Lãi cho vay	543.000.000	508.075.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	543.000.000	508.075.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải thu khác ngắn hạn	-	92.733.400
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	-	92.733.400
Phải thu về cho vay	8.400.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	8.400.000.000	11.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		
Ông Đào Văn Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	154.878.000	158.720.000
Ông Đoàn Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	157.707.000	161.564.000
Ông Cao Văn Cẩn - Trưởng Ban kiểm soát	143.026.000	145.979.000
Ông Hồ Văn Tuấn - Thành viên HĐQT	85.614.000	43.108.000
Cộng	541.225.000	509.371.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực kinh doanh khai thác, chế biến khoáng sản. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã phê duyệt điều chỉnh đề án cải tạo phục hồi môi trường theo các quyết định: quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 07/04/2023, quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 07/04/2023 và quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 01/12/2023. Căn cứ thời gian thực hiện phục hồi môi trường tại các mỏ đã được phê duyệt, Công ty thực hiện phân loại lại các khoản Dự phòng phải trả. Số dư dự phòng phải trả tại ngày 01/01/2023 đã được trình bày lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2022 Số báo cáo	Trình bày lại	01/01/2023 Trình bày lại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	12.841.357.503	-	12.841.357.503
I. Nợ ngắn hạn	310	12.841.357.503	(9.948.787.000)	2.892.570.503
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12.214.212.457	(9.948.787.000)	2.265.425.457
II. Nợ dài hạn	330	-	9.948.787.000	9.948.787.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	9.948.787.000	9.948.787.000
TỔNG NGUỒN VỐN		61.153.284.088		61.153.284.088



Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc